

Số: /BC-UBND

Vĩnh Hòa, ngày 10 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính quý I năm 2023 (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 10/03/2023)

Thực hiện Công văn số 279/UBND-NV ngày 03/03/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Linh về việc báo cáo CCHC Quý I năm 2023, UBND xã Vĩnh Hoà báo cáo công tác CCHC Quý I năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

- Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật của lãnh đạo đơn vị, địa phương đối với công tác CCHC: Ngày 02/03/2023 tại Hội nghị cán bộ, công chức đầu năm 2023 đồng chí Chủ tịch UBND xã đã quán triệt nhiệm vụ CCHC năm 2023 cho tất cả cán bộ, công chức xã và qua các buổi giao ban đầu tháng cũng đã tiếp tục quán triệt và đánh giá công tác CCHC trong thời gian qua triển khai nhiệm vụ CCHC trong tháng tới.

- Ban hành các văn bản: UBND xã căn cứ các văn bản của cấp trên để ban hành các Kế hoạch thực hiện công tác CCHC cho năm 2023 như sau:

Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 14/02/2023 về Cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 13/KH- UBND ngày 20/02/2023 về Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức năm 2023; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 21/02/2023 về Thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2023; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 26/02/2023 về Duy trì chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2023; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 21/02/2023 về Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2023.

Ngày 05/01/2023, UBND xã ban hành các kế hoạch như: Kế hoạch số 02/KH-UBND về Công tác Tư pháp năm 2023; Kế hoạch số 03/KH- UBND về Thực hiện công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL năm 2023; Kế hoạch số 04/KH-UBND phổ biến giáo dục pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 05/KH-UBND về Rà soát văn bản QPPL năm 2023; Kế hoạch số 06/KH-UBND về Xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 07/KH-UBND về Theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 08/KH-UBND về Công tác bồi thường nhà nước năm 2023.

- Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2023: Đến nay tình hình thực hiện kế hoạch CCHC đã theo đúng tiến độ đề ra trong các Kế hoạch đã ban hành.

- Đánh giá về công tác kiểm tra CCHC:

Ngày 20/02/2023 đã ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023. Trong quý I năm 2023, UBND xã Vĩnh Hoà chưa tổ chức kiểm tra về CCHC.

- Về công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính:

UBND xã đã xây dựng kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 22/02/2023 về Tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023, đã tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về CCHC đến tận người dân, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước. Tuyên truyền cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 để nhân dân tiếp cận, được biết và thực hiện; công tác dân vận chính quyền. Xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua cải cách hành chính trong cơ quan, ban ngành, lĩnh vực ..., nhằm đảm bảo tốt công tác cải cách hành chính năm 2023.

- Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ giao: Trong quý 1/2023, xã Vĩnh Hoà đã thực hiện được 12/29 nhiệm vụ theo Kế hoạch năm.

- Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại đơn vị, địa phương: *không có*

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

1. Cải cách thể chế

a. Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trong quý 1, UBND xã không ban hành Văn bản quy phạm pháp luật nào.

Ủy ban nhân dân xã đã tập trung chỉ đạo thường xuyên đổi mới công tác tự kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo áp dụng thống nhất và đồng bộ các văn bản pháp luật của cấp trên tại địa phương; tiến hành tự kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã ban hành.

Công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật được triển khai kịp thời, đúng nội dung và đối tượng bằng nhiều hình thức phong phú: Tuyên truyền qua các hội nghị, hội họp, qua hệ thống loa truyền thanh xã, thôn...

2. Cải cách thủ tục hành chính :

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: Không

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, địa phương: tổng số có 157 thủ tục

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa:

Nhận sự: Bộ phận một cửa gồm 4 công chức

Cơ sở vật chất: Hiện tại xã đã có phòng giao dịch với diện tích gần 50m², tuy nhiên do điều kiện trụ sở làm việc của UBND xã chưa được xây dựng nên vị trí làm việc cách xa nơi giao dịch của Bộ phận một cửa, vì vậy hiện tại Bộ phận một cửa của UBND đang làm việc tại các phòng riêng của trụ sở cũ.

Trang thiết bị , phương tiện làm việc: Gồm 4 máy vi tính, 04 máy in, 02 máy scan, bàn tiếp công dân, ghế chờ,đảm bảo theo quy định.

Việc niêm yết công khai thủ tục hành chính được thực hiện kịp thời và đảm bảo đúng các quy trình, việc niêm yết công khai thủ tục hành chính được thực hiện trên cơ sở Quyết định công bố thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Hình thức niêm yết công khai thủ tục hành chính trên bảng tại bộ phận “Một cửa” của Ủy ban nhân dân xã, phù hợp với điều kiện, vị trí niêm yết thích hợp để cá nhân, tổ chức dễ đọc và dễ tiếp cận các thủ tục hành chính.

Thực hiện giải quyết đảm bảo tất cả các thủ tục hành chính đều được tiếp nhận qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC:

Số hồ sơ tiếp nhận: 330

Số hồ sơ có số hoá thành phần hồ sơ: 262

Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ: 262

Tỷ lệ số hoá đầy đủ TH hồ sơ khi tiếp nhận: 79,39%

Số hồ sơ chưa số hoá TPHS: 68

Số hồ sơ đã giải quyết: 328

Số hồ sơ có số hoá kết quả: 312

Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ: 94,12%

Số hồ sơ chưa số hoá kết quả: 16

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại các đơn vị: Trong Quý 1 năm 2023 đã tiếp nhận và trả kết quả cho 348 lượt hồ sơ. Trong đó: có 188 hồ sơ được tiếp nhận trực tiếp, 142 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến; Đã giải quyết 328 hồ sơ (trước hạn: 326 hồ sơ; đúng hạn: 01; quá hạn: 01); Đang giải quyết 20 hồ sơ (còn hạn).

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Không

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao số lượng, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; UBND xã đã sắp xếp số lượng cán bộ, công chức theo đúng quy định. Cán bộ, công chức thực hiện nghiêm quy chế làm việc của UBND.

Cán bộ, công chức được bố trí phù hợp với nhiệm vụ được giao và theo lĩnh vực chuyên môn cụ thể. Tổng hiện có 18 cán bộ, công chức.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức:

Thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Kế hoạch số 1291/KH-UBND ngày 28/3/2019 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án văn hóa công vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 27/02/2023 UBND huyện Vĩnh thực hiện Đề án Văn hóa công vụ năm 2023; UBND xã Vĩnh Hoà đã thực hiện nghiêm túc.

Cử đồng chí Văn phòng xã làm cán bộ đầu mối theo dõi việc thực hiện kỷ luật kỷ cương hành chính. Đồng thời công khai và niêm yết số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh của công dân.

Cán bộ, công chức thực hiện nghiêm sự phân công nhiệm vụ của thủ trưởng cơ quan. Trong công việc thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên và kịp thời. Qua đó, phát hiện và xử lý những phát sinh có thể xảy ra.

Tại các phòng làm việc có đầy đủ biển phòng làm việc và biển các chức danh theo quy định.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 20/02/2023 về việc Đào tạo bồi dưỡng CBCC năm 2023.

- Trong quý 1/2023: có 01 đồng chí tham gia học Trung cấp chính trị và tiếp tục học Đại học. UBND xã đã tạo điều kiện cho các đồng chí cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

- Công tác quy hoạch cán bộ hàng năm được thực hiện đúng theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch và dân chủ.

- Việc phân công nhiệm vụ đối với cán bộ công chức được thực hiện hợp lý, đúng người đúng việc, không xảy ra tình trạng người nhiều, người ít việc, tạo được sự thống nhất và đoàn kết trong đội ngũ cán bộ công chức.

- Công tác quản lý hồ sơ cán bộ công chức được thực hiện tốt, hàng năm bổ sung đầy đủ các quyết định về nhân sự, lương và bằng cấp theo quy định

Tổng số cán bộ, công chức xã đến tháng 2/2023 là: 18 người. Trong đó: Cán bộ: 10 người, công chức: 8 người.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 01 người; Đại học: 15 người; Cao đẳng: 01 người; Chưa qua đào tạo: 01 người.

5. Cải cách hành chính công.

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại đơn vị, địa phương:

+ Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được giao: 1.088.112.186 đồng/4.610.495.000 đồng, đạt 23,6%

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: không

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Không có

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:

UBND xã đã ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 về Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công. Sử dụng có hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước; thực hiện công khai tài chính đúng quy định; kiểm tra việc thực hiện dự toán, quyết toán và sử dụng ngân sách theo quy định.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính:

Tiếp tục thực hiện Nghị định 130/2005 ngày 17/10/2005 và Nghị Định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ, hầu hết các ban ngành, đoàn thể được giao quyền

tự chủ đều chấp hành đúng các quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước.

Thông qua việc thực hiện cải cách tài chính công, UBND xã thực hiện khoán chủ động sắp xếp lại tổ chức bộ máy. Thường xuyên hoàn thiện quy định quy chế chi tiêu nội bộ và thay đổi các quy định khoán chi đối với một số khoản chi phù hợp với thực tế.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chính phủ số

- Đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 22/02/2023 về Ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước và chuyển trình chuyển đổi số.

UBND xã đã triển khai thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin một cách có hiệu quả. 100% CBCC biết cách xử lý, trao đổi công việc qua môi trường mạng thông qua phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc. Áp dụng ký số 100% đối với văn bản điện tử. Hình thành thói quen nhận và xử lý văn bản cho CBCC, một cách chuyên nghiệp, giảm thiểu những sai sót, tiết kiệm cho đơn vị, cá nhân. Tiếp tục duy trì việc áp dụng hệ thống ISO vào thực tế công việc giúp cán bộ, công chức thực hiện theo đúng quy trình và quy định ngay từ đầu năm nhằm đảm bảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu của tổ chức, cá nhân góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính tại UBND xã

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành kế hoạch số 19/KH- UBND ngày 22/02/2023 duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 tại UBND xã Vĩnh Hòa; chương trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng năm 2023.

7. Việc nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI)

Thực hiện kế hoạch của UBND huyện Vĩnh Linh, UBND xã đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 26/02/2023 về Duy trì và củng cố chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2023 để xác định nhiệm vụ, giải pháp chiến lược và cụ thể để nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của cơ quan hành chính trên địa bàn xã; góp phần xây dựng nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả và phục vụ Nhân dân tốt hơn. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan Nhà nước, của mỗi cán bộ, công chức và Nhân dân trong nỗ lực cải thiện Chỉ số PAPI

8. Công tác tiếp công dân và phòng chống tham nhũng

Thực hiện theo quy chế hoạt động của UBND xã, lịch tiếp công dân của Chủ tịch UBND xã vào ngày thứ 5 hàng tuần. Trong quý có 01 lượt công dân đến kiến nghị phản ánh về lĩnh vực HTX và một số nội dung liên quan khác. Các nội dung phản ánh của công dân được Chủ tịch UBND xã trả lời trực tiếp tại buổi tiếp công dân.

UBND xã đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 12/01/2023 về Công tác phòng chống tham nhũng năm 2023.

Nhìn chung cán bộ, công chức cơ quan thực hiện tốt quy chế, tác phong, lễ lồi làm việc, chống quan liêu cửa quyền, tham nhũng, lãng phí.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm:

Công tác CCHC của UBND xã Vĩnh Hoà trong Quý I năm 2022 được triển khai theo đúng Kế hoạch đã đề ra và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Thực hiện nghiêm túc các nội dung công tác cải cách hành chính.

Công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính được lãnh đạo quan tâm đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc góp phần thực hiện tốt công tác cải cách hành chính. Thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động tại cơ quan UBND xã tiếp tục được đẩy mạnh.

100% hồ sơ TTHC của tổ chức, công dân được giải quyết sớm và đúng hạn tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

2. Những tồn tại, hạn chế, biện pháp khắc phục

***Tồn tại, hạn chế**

Việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ CCHC giữa các ban ngành liên quan còn chưa chặt chẽ, thiếu hiệu quả, làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện CCHC chung của toàn đơn vị. Tỷ lệ nhập hồ sơ trên DVC trực tuyến tuy có nhiều chuyển biến nhưng vẫn chưa đạt được yêu cầu đề ra.

- Công tác tuyên truyền: một số Nội dung tuyên truyền CCHC chưa phong phú, việc xây dựng chuyên trang chuyên mục về cải cách hành chính gặp khó khăn.

Các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, thanh toán trực tuyến còn gặp nhiều khó khăn.

Việc trả hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích tỷ lệ thấp vì đa số các TTHC cấp xã đều tiếp nhận giải quyết trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trong buổi hoặc trong ngày làm việc.

*** Biện pháp khắc phục:**

- Tăng cường công tác phối kết hợp giữa các ban ngành liên quan để thực hiện nhiệm vụ CCHC một cách có hiệu quả hơn.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về thực hiện cải cách hành chính, trong đó chú trọng tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác tuyên truyền CCHC.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, thúc đẩy thanh toán trực tuyến, nhất là trong lĩnh vực thu phí, lệ phí giải quyết TTHC; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn người dân trong thanh toán trực tuyến

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia giải quyết thủ tục hành chính thông qua hình thức trực tuyến. Chỉ đạo các tổ công nghệ cộng đồng trong việc hỗ trợ, hướng dẫn người dân; đồng thời tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tiếp nhận và xử lý hồ sơ, đảm bảo đủ kỹ năng, trình độ để thực hiện quy trình, nghiệp vụ và tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ người dân làm quen, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục triển khai quán triệt Chương trình tổng thể Cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ; Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2023 của huyện, của xã.

- Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ CCHC quý II/2023 theo kế hoạch Cải cách hành chính số 12/KH-UBND ngày 14/02/2023 của UBND xã.

- Tham mưu xây dựng các văn bản về CCHC trong đó chú trọng Cải cách tổ chức bộ máy, bố trí hợp lý nhiệm vụ cán bộ, công chức.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính, tăng cường xây dựng bài viết chuyên mục về CCHC trên đài phát thanh và Trang thông tin điện tử của xã.

- Duy trì, cải tiến hệ thống chất lượng TCVN ISO 9001- 2015

- Tiếp tục thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn kinh phí để tăng thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính của địa phương

- Thực hiện lấy phiếu đánh giá hài lòng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khi đến giải quyết TTHC hàng tháng để đánh giá, chấn chỉnh nâng cao thái độ phục vụ nhân dân.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn và đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ công chức. Triển khai thực hiện tốt dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4. Tiếp tục rà soát đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi bổ sung các thủ tục hành chính; rà soát, ban hành văn bản bám sát nội dung các văn bản cấp trên, cụ thể hoá phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Kính đề nghị UBND huyện tiếp tục quan tâm chỉ đạo UBND xã trong công tác CCHC. Hàng năm tổ chức tập huấn cho cán bộ làm công tác CCHC, kiểm soát TTHC để nâng cao trình độ.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện CCHC Quý 1/2023 và một số nhiệm vụ CCHC trọng tâm trong thời gian tới, UBND xã Vĩnh Hoà báo cáo Phòng Nội vụ để tổng hợp./

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Lưu:VP.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hải

Phụ lục
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	19	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	41	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	29	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	12	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%		

4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	256	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	157	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		

3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,7	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	328	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	327	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>		
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>		

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	<i>%</i>		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	8	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	8	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	18	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	18	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng		
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 02 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i>)	%		
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%		
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%		

5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	36,8%	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	19	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	19	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	7	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	6,3%	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	64	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	64	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	4	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	13,3%	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	83	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	11	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	89,3%	
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	159	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	142	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục		
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		